

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico trình bày báo cáo này, kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico (sau đây được viết tắt là "Công ty"), như sau:

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico (tiền thân là Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý - doanh nghiệp Nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 737/QĐ-UB ngày 30/8/2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chuyển Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam; đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 22/12/2007 (đăng ký thay đổi lần thứ 7) trên cơ sở sáp nhập hai Công ty:

- Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Khoáng sản Hà Nam: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Khoáng sản Hà Nam;
- Công ty Cổ phần Bao bì Phú Mỹ: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000217 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Bao bì Phú Mỹ.

Việc sáp nhập được thực hiện trên cơ sở toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của hai Công ty nêu trên được chuyển sang công ty nhận sáp nhập - Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam.

Tổng Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.189.368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 11/11/2009 (đăng ký thay đổi lần thứ 9).

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 14, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ công ty con. Tại thời điểm 31/12/2011, cơ cấu của Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ: Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico;
- 01 Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng HAMICO II.

2. Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Trong năm tài chính 2011, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất và kinh doanh gạch tuynel.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

❖ Hội đồng quản trị:

- | | | |
|--------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Lê Trung Kiên | Chủ tịch | (Bổ nhiệm ngày 11/01/2011) |
| • Ông Nguyễn Xuân Mai | Chủ tịch | (Miễn nhiệm ngày 10/01/2011) |
| • Ông Nguyễn Tiến Dũng | Ủy viên | |
| • Ông Nguyễn Minh Hoàn | Ủy viên | |
| • Bà Đặng Thị Thu Phương | Ủy viên | |
| • Ông Đặng Văn Lành | Ủy viên | |

❖ Ban Giám đốc:

- | | |
|--------------------------|-------------------|
| • Ông Nguyễn Tiến Dũng | Tổng Giám đốc |
| • Bà Đặng Thị Thu Phương | Phó Tổng Giám đốc |
| • Bà Lâm Thị Thu Trang | Kế toán trưởng |

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, được trình bày từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

5. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

6. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011; kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- ✓ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ✓ Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✓ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- ✓ Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

7. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính hợp nhất, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

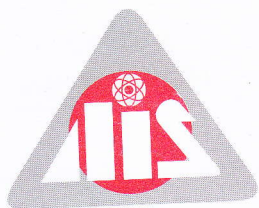
Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nam, ngày 15 tháng 2 năm 2012



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Dũng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 110763HN/BCKT- AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được lập ngày 15/02/2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Hamico (sau đây viết tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 21 kèm theo. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho những ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2012

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ
TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Giám đốc



Đào Tiên Đạt

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Kiểm toán viên

Vũ Khắc Chuyên

Chứng chỉ KTV số: 0160/KTV

Branch in Hà Nội: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cau Giay Dist, Hà Nội
Branch in Đà Nẵng: 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng
Representative in Cần Thơ: 5Đ, 30/4 St., Ninh Kiều Dist, Cần Thơ City.
Representative in Hải Phòng: 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel: (04) 3782 0045/46 /47 Fax: (04) 3782 0048
Tel: (0511) 371 5619 Fax: (0511) 371 5620
Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765
Tel: (031) 3569 577 Fax: (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn
Email: aiscvt@dng.vnn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		74.247.178.237	40.551.303.922
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		218.382.787	83.563.947
1. Tiền	111	V.1	218.382.787	83.563.947
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu	130		55.280.539.513	32.955.709.450
1. Phải thu khách hàng	131		20.725.663.454	32.685.737.615
2. Trả trước cho người bán	132		26.824.590.091	1.683.429.842
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	10.000.000.000	0
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.269.714.032)	(1.413.458.007)
IV. Hàng tồn kho	140		18.707.449.801	7.512.030.525
1. Hàng tồn kho	141	V.4	18.707.449.801	7.512.030.525
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.806.136	0
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.482.500	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.323.636	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		147.902.863.170	148.370.301.859
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		145.215.265.036	141.117.012.801
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	132.306.182.624	139.502.469.918
<i>Nguyên giá</i>	222		163.774.766.880	162.044.357.240
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(31.468.584.256)	(22.541.887.322)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	28.800.000	33.600.000
- <i>Nguyên giá</i>	228		48.000.000	48.000.000
- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(19.200.000)	(14.400.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	12.880.282.412	1.580.942.883
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	520.000.000	5.685.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.000.000.000	5.685.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(1.480.000.000)	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.167.598.134	1.568.289.058
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2.167.598.134	1.568.289.058
VI. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		222.150.041.407	188.921.605.781

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

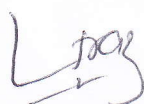
Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	1/1/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		98,761,751,701	41,867,853,894
I. Nợ ngắn hạn	310		80,861,751,701	41,867,853,894
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	67,114,489,000	30,193,888,000
2. Phải trả người bán	312		11,121,507,337	5,344,447,436
3. Người mua trả trước hàng	313		109,710,020	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	866,476,701	4,726,582,356
5. Phải trả người lao động	315		902,084,800	695,637,340
6. Chi phí phải trả	316	V.17	59,027,778	51,723,498
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	0	845,601,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		688,456,065	9,974,264
II. Nợ dài hạn	330		17,900,000,000	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	17,900,000,000	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123,388,289,706	147,053,751,887
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	123,388,289,706	147,053,751,887
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		116,900,000,000	116,900,000,000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		6,488,289,706	30,153,751,887
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		222,150,041,407	188,921,605,781

Hà Nam, ngày 15 tháng 2 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Lâm Thị Thu Trang

Tổng giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	60.257.823.551
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	60.257.823.551
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	45.534.916.999
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.722.906.552
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	4.918.895.948
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	8.296.532.940
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.816.532.940
8. Chi phí bán hàng	24		5.290.265.001
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.641.000.297
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		414.004.262
11. Thu nhập khác	31		225.186.307
12. Chi phí khác	32		71.673.307
13. Lợi nhuận khác	40		153.513.000
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết	45		0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		567.517.262
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	159.797.642
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		407.719.620
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		0
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty Mẹ	62		407.719.620
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.32	34,88

Hà Nam, ngày 15 tháng 2 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lâm Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc
MSDN: 07001
TẬP ĐOÀN
KHOÁNG SẢN
HAMICO
TP. PHÚ LÝ - T. HÀ NAM

Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2011


Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Năm 2011
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	78.579.991.892
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(57.412.429.976)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.262.302.633)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.809.228.660)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.527.314.516)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	102.043.077
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.911.570.677)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.759.188.507
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(12.919.520.345)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.685.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.915.150.678
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.319.369.667)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	113.289.271.051
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(76.368.670.051)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.225.601.000)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	12.695.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	134.818.840
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	83.563.947
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	0
Tiền tồn cuối kỳ	70	218.382.787

Hà Nam, ngày 15 tháng 2 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lâm Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico (tiền thân là Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý - doanh nghiệp Nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 737/QĐ-UB ngày 30 tháng 8 năm 2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chuyển Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam; đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 22/12/2007 (đăng ký thay đổi lần thứ 7) trên cơ sở sáp nhập hai công ty:

- Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Khoáng sản Hà Nam: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Khoáng sản Hà Nam;
- Công ty Cổ phần Bao bì Phú Mỹ: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000217 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Bao bì Phú Mỹ.

Tổng Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.189.368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 11/11/2009 (đăng ký thay đổi lần thứ 9).

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 14, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại 31/12/2011 là: **116.900.000.000** đồng (*Một trăm mười sáu tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn*).

Cơ cấu vốn điều lệ:

TT	Đối tượng góp vốn	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00%
2	Cổ đông khác	11.690.000	116.900.000.000	100,00%
	Cộng tổng	11.690.000	116.900.000.000	100,00%

Thông tin tài chính về các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2011 của Công ty như sau:

✓ Tổng số các công ty con:

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 Công ty;
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: không có.

✓ Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính này là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng HAMICO II với các thông tin như sau:

- Địa chỉ: xóm 7 Đức Thông, xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 07005165590 ngày 22/11/2010
- Vốn điều lệ: **90.000.000.000** đồng (100% vốn góp của Công ty Mẹ);
- Vốn điều lệ thực góp đến 31/12/2011: **21.014.974.400** đồng (*Hai một tỷ, không trăm mười bốn triệu, chín trăm bảy mươi tư nghìn, bốn trăm đồng*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Các Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất: không có;
- ✓ Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: không có;
- ✓ Danh sách các Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất: không có;
- ✓ Danh sách các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: không có;
- ✓ Danh sách các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất: không có.

2- Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Trong năm 2011, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất và kinh doanh gạch tuynel.

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản;
- Khai thác và chế biến khoáng sản (khai thác quặng kim loại), khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét;
- Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình;
- Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp;
- Mua bán thực phẩm nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, nhà đất;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy;
- Xây dựng công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống, san lấp mặt bằng;
- Sản xuất, lắp ráp mua bán: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình;
- Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao vui chơi, giải trí;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng, bốc xếp hàng hóa, kinh doanh du lịch;
- Sản xuất kinh doanh và in mác nhãn vở bao, bao bì đóng gói;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại;
- Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh;
- Sản xuất xi măng các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ bê tông: sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh (tiếp theo)

- Mua bán vật liệu xây dựng: Gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi;
- Mua bán hàng trang trí nội thất;
- Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; và
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là Đồng Việt Nam (đ).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền được phản ánh trong Báo cáo tài chính là các khoản đầu tư ngắn hạn Công ty đang nắm giữ có thời hạn đáo hạn nhỏ hơn hoặc bằng 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi kể từ thời điểm mua khoản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền (tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra Đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập tuân thủ theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại các doanh nghiệp" và Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được phản ánh trong Báo cáo tài chính của Công ty theo nguyên tắc giá gốc.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư có tổn thất, Công ty tiến hành xác định giá trị tổn thất để lập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" và Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: Tiền đóng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, thành phố Phủ Lý được phân bổ theo thời gian thuê đất (50 năm); công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính cần phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong thời gian 24 tháng.

Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có số chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tuân thủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo hợp đồng và thời gian cung cấp dịch vụ thực tế.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong kỳ là chi phí lãi tiền vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (mức thuế suất áp dụng là 25%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15- Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với các sản phẩm sản xuất công nghiệp của Công ty là 10%;

Công ty nộp thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường căn cứ vào khối lượng đất khai thác về để sản xuất gạch và đơn giá đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1- Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Tiền mặt tại quỹ	173.928.665	81.481.804
Tiền gửi ngân hàng	44.454.122	2.082.143
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam	0	2.082.143
Ngân hàng Xăng dầu PETROLIMEX	5.056.900	0
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Hà Nam	906.843	0
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	38.490.379	0
Cộng	218.382.787	83.563.947

3- Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Phải thu Công ty Cổ phần Sơn Hải (*)	10.000.000.000	0
Cộng	10.000.000.000	0

(*) Ngày 02/01/2011, Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Hamico (bên A) ký kết hợp đồng liên doanh số 12/HĐLD/2011 với Công ty Cổ phần Sơn Hải (bên B) về việc liên doanh góp vốn đầu tư xin cấp phép, khai thác đá và đầu tư xây dựng nhà xưởng với giá trị góp vốn là 12,5 tỷ đồng. Bên Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Hamico góp 10 tỷ đồng (chiếm 80% vốn góp) và giao toàn quyền cho Công ty Cổ phần Sơn Hải tổ chức, khai thác, quản lý mỏ và có trách nhiệm giao nộp (khoản nợ) cho Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Hamico từ 1 tỷ đồng đến 1,5 tỷ đồng/tháng trong năm 2011 (trong trường hợp có những khó khăn bất thường thì hai bên sẽ xem xét giảm hoặc miễn khoản phí này trong thời gian bị khó khăn), các năm tiếp theo nếu có thay đổi sẽ được hai bên bàn bạc thống nhất. Thời hạn nộp mỗi năm 4 lần bằng tiền mặt hoặc đối trừ tiền hàng.

Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Hamico đã góp 10 tỷ đồng bằng tiền mặt theo Phiếu chi ngày 06/01/2011 và 10/01/2011, Công ty đã hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2011 là 3 tỷ đồng thu được từ Công ty Cổ phần Sơn Hải.

Hợp đồng liên doanh này đã chấm dứt theo Biên bản chấm dứt hợp đồng liên doanh ngày 05/7/2011. Theo đó, hai bên thống nhất chấm dứt hoạt động liên doanh kể từ ngày 05/7/2011 và số tiền bên A đã góp vốn theo hợp đồng, bên B sẽ có trách nhiệm hoàn trả.

4- Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Nguyên liệu, vật liệu	9.210.566.615	4.046.572.970
Công cụ, dụng cụ	37.598	58.452.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	403.713.335	1.068.445.300
Thành phẩm	8.944.251.709	2.189.679.711
Hàng hóa	148.880.544	148.880.544
Cộng giá gốc hàng tồn kho	18.707.449.801	7.512.030.525

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
Tel: 0351 - 3.851.035 Fax: 0351 - 3.855.296

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	98.477.822.457	39.508.131.991	22.441.024.524	1.617.378.268	162.044.357.240
Tăng do mua sắm	0	22.295.000	0	14.345.455	36.640.455
Tăng do XDCB hoàn thành	1.963.673.208	0	0	0	1.963.673.208
Giảm khác (*)	0	(197.130.000)	0	(72.774.023)	(269.904.023)
Tại ngày 31/12/2011	100.441.495.665	39.333.296.991	22.441.024.524	1.558.949.700	163.774.766.880
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	8.970.756.449	9.106.990.743	4.024.160.231	439.979.899	22.541.887.322
Khấu hao trong kỳ	3.804.345.908	3.087.192.472	2.044.845.890	122.440.662	9.058.824.932
Giảm khác (*)	0	(82.604.211)	0	(49.523.787)	(132.127.998)
Tại ngày 31/12/2011	12.775.102.357	12.111.579.004	6.069.006.121	512.896.774	31.468.584.256
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	89.507.066.008	30.401.141.248	18.416.864.293	1.177.398.369	139.502.469.918
Tại ngày 31/12/2011	87.666.393.308	27.221.717.987	16.372.018.403	1.046.052.926	132.306.182.624

(*) Ghi giảm Nguyên giá và giá trị còn lại đối với tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đồng

KHOẢN MỤC	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2011	48.000.000	48.000.000
Tại ngày 31/12/2011	48.000.000	48.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2011	14.400.000	14.400.000
Khấu hao trong năm	4.800.000	4.800.000
Tại ngày 31/12/2011	19.200.000	19.200.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2011	33.600.000	33.600.000
Tại ngày 31/12/2011	28.800.000	28.800.000

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Công trình xây dựng nhà xưởng rút sắt	0	1.580.942.883
Công trình xây dựng nhà xưởng nhà máy gạch HAMICO II	12.880.282.412	0
Cộng	12.880.282.412	1.580.942.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13- Đầu tư dài hạn khác

(a) Công ty mẹ đầu tư dài hạn khác	31/12/2011		01/01/2011	
	Số cổ phiếu	Giá trị (đ)	Số cổ phiếu	Giá trị (đ)
Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico (Mã chứng khoán KSD)	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản NaRi Hamico (Mã chứng khoán KSS)	0	0	368.500	3.685.000.000
Cộng	200.000	2.000.000.000	568.500	5.685.000.000

(b) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tại Công ty mẹ	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico (Mã chứng khoán KSD)	(1.480.000.000)	0
Cộng	(1.480.000.000)	0

14- Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	417.179.951	1.051.024.443
Tiền đóng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.	483.751.515	498.751.515
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.266.666.668	0
Chi phí lập đề án bảo vệ môi trường	0	18.513.100
Cộng	2.167.598.134	1.568.289.058

15- Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Vay ngắn hạn ngân hàng:	25.000.000.000	20.689.399.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam	0	20.689.399.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	25.000.000.000	0
Vay ngắn hạn cá nhân:	34.564.489.000	9.504.489.000
+ Nguyễn Thị Kim Thoa	8.910.090.000	3.610.090.000
+ Nguyễn Ngọc Hương	8.800.000.000	0
+ Nguyễn Anh Đức	7.000.000.000	0
+ Nguyễn Tiến Dũng	5.854.399.000	5.854.399.000
+ Nguyễn Thị Thanh Huyền	4.000.000.000	0
+ Nguyễn Thị Kiện	0	40.000.000
Vay ngắn hạn đối tượng khác:	7.550.000.000	0
+ Tổng Công ty Cổ phần Xuất khẩu Đông Nam Á Hamico	7.550.000.000	0
Cộng	67.114.489.000	30.193.888.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Thuế giá trị gia tăng	494.363.018	915.979.799
Thuế thu nhập doanh nghiệp	356.385.683	3.723.902.557
Thuế tài nguyên	0	35.700.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (Phí bảo vệ môi trường)	15.728.000	51.000.000
Cộng	866.476.701	4.726.582.356

17- Chi phí phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả tại Công ty mẹ: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nam	59.027.778	51.723.498
	59.027.778	51.723.498
Cộng	59.027.778	51.723.498

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Cổ tức phải trả (năm 2009) tại Công ty mẹ	0	845.601.000
Cộng	0	845.601.000

20- Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2010
	đ	đ
Vay dài hạn tại Công ty con Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nam (*)	17.900.000.000	0
Cộng	17.900.000.000	0

(*) Theo Hợp đồng tín dụng số 29/2011 ngày 12/8/2011 giữa Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Hà Nam và Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng HAMICO II:

Hạn mức cho vay: 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng chẵn)

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

Mục đích cho vay: Đầu tư xây dựng nhà máy gạch.

Các giấy nhận nợ trong năm 2011:

Giấy nhận nợ	Ngày	Số tiền giải ngân	Lãi suất
Số 01	19/08/2011	4.900.000.000	22%/ năm
Số 02	05/10/2011	7.000.000.000	22%/ năm
Số 03	07/12/2011	6.000.000.000	22,5%/ năm
Tổng		17.900.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22- Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2010	116.900.000.000	21.683.269.359	138.583.269.359
Lãi trong năm trước	0	26.005.482.528	26.005.482.528
Giảm khác năm trước	0	(17.535.000.000)	(17.535.000.000)
Tại ngày 01/01/2011	116.900.000.000	30.153.751.887	147.053.751.887
Lãi trong kỳ	0	407.719.620	407.719.620
Phân phối lợi nhuận (*)	0	(24.073.181.801)	(24.073.181.801)
Tại ngày 31/12/2011	116.900.000.000	6.488.289.706	123.388.289.706

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 10/3/2011 của Công ty mẹ

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
Vốn góp của Nhà nước	0	0
Vốn góp của các đối tượng khác	116.900.000.000	116.900.000.000
Cộng	116.900.000.000	116.900.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm 2011	Năm 2010
	đ	đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	116.900.000.000	116.900.000.000
+ Vốn góp cuối năm	116.900.000.000	116.900.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		
+ Năm 2010	0	16.689.399.000
+ Năm 2011	23.380.000.000	0

đ. Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.690.000	11.690.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

25- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 đ
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	59.877.240.551
Doanh thu của dịch vụ đã cung cấp	380.583.000
Tổng	60.257.823.551

27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 đ
Doanh thu thuần trao đổi, sản phẩm hàng hóa	59.877.240.551
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	380.583.000
Tổng	60.257.823.551

28- Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 đ
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	45.534.916.999
Cộng	45.534.916.999

29- Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 đ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63.877.948
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.855.018.000
<i>Lãi thu được từ đầu tư chứng khoán (Cổ phiếu của Tổng công ty CP Khoáng sản Nari Hamico)</i>	1.855.018.000
<i>Doanh thu từ hoạt động liên doanh với Công ty Cổ phần Sơn Hải</i>	3.000.000.000
Cộng	4.918.895.948

30- Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2011 đ
Chi phí lãi tiền vay	6.816.532.940
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.480.000.000
Cộng	8.296.532.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31- Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2011
	<u>đ</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	567.517.262
Tại Công ty mẹ	567.517.262
Tại Công ty con	0
Các khoản điều chỉnh khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	71.673.307
Tại Công ty mẹ	71.673.307
- Chi phí khấu hao của TSCĐ không cần dùng	0
- Tiền phạt chậm nộp thuế	0
Tại Công ty con	639.190.569
Tổng lợi nhuận tính thuế	639.190.569
Tại Công ty mẹ	0
Tại Công ty con	0
Chi phí thuế thu nhập chịu thuế hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (25%)	159.797.642
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	159.797.642

32- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011
	<u>đ</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	407.719.620
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	407.719.620
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.690.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34,88

33-Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011
	<u>đ</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.966.120.149
Chi phí nhân công	7.496.750.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.003.071.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.091.543.976
Chi phí khác bằng tiền	945.688.574
Cộng	<u><u>71.503.174.217</u></u>

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết HĐQT ngày 16/02/2012 của Công ty, bắt đầu từ ngày 17/02/2012, Công ty thông qua:

- Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT của Ông Lê Trung Kiên.
- Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Ông Nguyễn Tiến Dũng.
- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Tiến Dũng - chức vụ Chủ tịch HĐQT.
- Bổ nhiệm Ông Vũ Minh Thành - chức vụ Tổng giám đốc công ty.
- Bổ nhiệm Ông Lê Trung Kiên - chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, Tp Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
 Tel: 0351 - 3.851.035 Fax: 0351 - 3.855.296

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4- Thông tin báo cáo bộ phận**4.1- Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Khai thác, chế biến và bán bột đá	Sản xuất và bán gạch	Sản xuất và Gia công sắt	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	15.447.169.371	25.052.676.490	18.285.073.290	1.472.904.400	60.257.823.551
Giá vốn	10.081.763.086	15.086.568.025	19.098.828.387	1.267.757.501	45.534.916.999
Lợi nhuận gộp	5.365.406.285	9.966.108.465	(813.755.097)	205.146.899	14.722.906.552

4.2- Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Nam	Tổng cộng
Doanh thu thuần	51.690.077.523	8.567.746.028	60.257.823.551
Giá vốn	41.634.019.789	3.900.897.210	45.534.916.999
Lợi nhuận gộp	10.056.057.734	4.666.848.818	14.722.906.552

5- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2011 là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính được lập phục vụ công tác hợp nhất bao gồm: Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh và Báo cáo tài chính năm tài chính đầu tiên từ ngày 22/11/2010 đến ngày 31/12/2010 của Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng HAMICO II.

6- Tính hoạt động liên tục

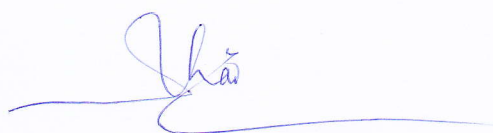

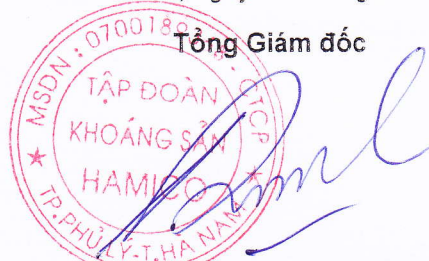
Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nam, ngày 15 tháng 2 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lâm Thị Thu Trang

Nguyễn Tiến Dũng